

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**Quyết định số 3499/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2024 về việc phê duyệt,
bãi bỏ Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi,
Thú y, Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội**

(Tiếp theo Công báo số 186+187)

07. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (QT - 07)

1	Mục đích: Quy định cách thức, nội dung, trình tự thực hiện thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y cho tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến lĩnh vực buôn bán thuốc thú y tại Việt Nam.		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân; Cán bộ, công chức Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 13/2016/TT- BNNPTNT ngày 2/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đơn đăng ký cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (Phụ lục XXXI Thông tư 13, sửa đổi bổ sung tại Khoản 17, Điều 1, Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018);	x	
	- Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi thay đổi trong trường hợp thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký;		x
	- Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất.	x	
3.3	Số lượng hồ sơ:		
	01 bộ hồ sơ		
3.4	Thời gian xử lý: 05 ngày làm việc		

3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả:			
	- Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả TTHC Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội. - Địa chỉ: 114 đường Lê Trọng Tấn, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. - Cách thức tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính hoặc Qua Cổng dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.hanoi.gov.vn.			
3.6	Mức thu phí: Không thu phí			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ về Trưởng bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính (<i>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ trong ngày làm việc hoặc sáng ngày làm việc tiếp theo trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15h</i>)	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
B3	Chuyển hồ sơ phòng tới chuyên môn	Trưởng Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	1/2 ngày làm việc	- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1/2 ngày làm việc	- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ

B5	Thẩm định nội dung hồ sơ			
	- Trường hợp đạt yêu cầu: Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y; - Trường hợp không cấp lại trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do	Chuyên viên; Lãnh đạo phòng chuyên môn; Lãnh đạo Chi cục	03 ngày làm việc <i>(Trong đó: Chuyên viên: 02 ngày; lãnh đạo phòng chuyên môn: 1/2 ngày; Lãnh đạo Chi cục: 1/2 ngày)</i>	- Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y - Hoặc văn bản thông báo từ chối cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B6	Hoàn thiện hồ sơ; Bàn giao kết quả giải quyết TTHC về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Chuyên viên	01 ngày làm việc	- Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y - Hoặc văn bản thông báo từ chối cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B7	Trả kết quả giải quyết TTHC	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính	- Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y - Hoặc văn bản thông báo từ chối cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y - Sổ theo dõi hồ

				sơ
B8	Thống kê và theo dõi; lưu hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC; Phòng chuyên môn	Giờ hành chính	Hồ sơ giải quyết TTHC; Kèm theo: <i>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có); Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (trường hợp từ chối tiếp nhận HS); Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (trường hợp giải quyết hồ sơ chậm muộn); Sổ theo dõi hồ sơ.</i>
4	Biểu mẫu			
	1. Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (Phụ lục XXXI Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT, sửa đổi bổ sung tại Khoản 17, Điều 1, Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018);			
	2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y;			
	3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ(Mẫu số 01-06).			

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
Số:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội

Căn cứ Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y;

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ:

Tên:

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Số Fax.....

Chúng tôi đề nghị được cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y: Số:.....ngày.....tháng.....năm.....

Lý do đề nghị cấp lại:

- Bị mất, sai sót, hư hỏng.....
- Thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký.

Hồ sơ kèm theo:

- a) Các tài liệu liên quan đến sự thay đổi, bổ sung (nếu có);
- b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNN HÀ NỘI
CHI CỤC CHĂN NUÔI, THỦY SẢN VÀ THÚ Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC THÚ Y
Số:...../GCN-KDT

Tên cơ sở:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại/Tel:.....Số Fax/Fax. No:

Đại diện cơ sở:

Địa chỉ thường trú:.....

Được công nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y đối với:

.....

.....

.....

Giấy chứng nhận đủ điều kiện này có hiệu lực đến:

Ngày tháng..... năm

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm

CHI CỤC TRƯỞNG

08. Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y) (QT-08)

1	Mục đích Quy định cách thức, nội dung, trình tự thực hiện thủ tục Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; Tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; Khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y).		
2	Phạm vi Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; Tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; Khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; Buôn bán thuốc thú y); Cán bộ, công chức Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; - Quyết định 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định 3279/QĐ-BNN-CN ngày 22/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
*	Cấp mới chứng chỉ hành nghề thú y		

	- Đơn đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề thú y (Phụ lục III Nghị định 35/2016/NĐ-CP);	x	
	- Giấy chứng nhận sức khỏe;	x	
	- 02 ảnh 4x6cm;	x	
	- Văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với từng loại hình hành nghề thú y;		x
	- Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân;		x
	- Lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền xác nhận (đối với người nước ngoài).	x	
*	Gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y		
	- Đơn đăng ký gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y (Phụ lục III Nghị định 35/2016/NĐ-CP);	x	
	- Giấy chứng nhận sức khỏe;	x	
	- 02 ảnh 4x6cm;	x	
	- Chứng chỉ hành nghề đã được cấp	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ hồ sơ		
3.4	Thời gian xử lý		
	- 05 ngày làm việc đối với cấp lần đầu;		
	- 03 ngày làm việc đối với đối với trường hợp gia hạn.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả:		
	- Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả TTHC Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội. - Địa chỉ: 114 đường Lê Trọng Tấn, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. - Cách thức tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính hoặc Qua Cổng dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.hanoi.gov.vn .		
3.6	Lệ phí: 50.000 đồng/lần		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
a.	Trường hợp cấp mới		

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính (Tiếp nhận và chuyển hồ sơ trong ngày làm việc hoặc sáng ngày làm việc tiếp theo trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15h)	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ về Trưởng bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
B3	Chuyển hồ sơ tới phòng chuyên môn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	1/2 ngày làm việc	- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1/2 ngày làm việc	- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B5	Thẩm định nội dung hồ sơ			
	Trường hợp đạt yêu cầu: Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y;	Chuyên viên; Lãnh đạo phòng chuyên	03 ngày làm việc (Trong đó: Chuyên viên: 02	- Chứng chỉ hành nghề thú y; - Hoặc văn bản

	Trường hợp từ chối không cấp Chứng chỉ hành nghề thú y trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	môn; Lãnh đạo Chi cục	<i>ngày; lãnh đạo phòng chuyên môn: 1/2 ngày; Lãnh đạo Chi cục: 1/2 ngày)</i>	thông báo từ chối cấp Chứng chỉ hành nghề thú y; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B6	Hoàn thiện hồ sơ; Bàn giao kết quả giải quyết TTHC về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Chuyên viên	01 ngày làm việc	- Chứng chỉ hành nghề thú y; - Hoặc văn bản thông báo từ chối cấp Chứng chỉ hành nghề thú y; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B7	- Thu phí/ lệ phí (Trực tiếp hoặc chuyển khoản theo lựa chọn của tổ chức, công dân); - Trả kết quả giải quyết TTHC	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính	- Chứng chỉ hành nghề thú y - Hoặc văn bản thông báo từ chối cấp Chứng chỉ hành nghề thú y; - Sổ theo dõi hồ sơ
B8	Thống kê và theo dõi; Lưu hồ sơ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC; Phòng chuyên môn	Giờ hành chính	HS giải quyết TTHC, kèm theo: <i>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn</i>

				<i>thiện hồ sơ (nếu có); Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (trường hợp từ chối tiếp nhận HS); Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (trường hợp giải quyết hồ sơ chậm muộn); Sổ theo dõi hồ sơ.</i>
b	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính <i>(Tiếp nhận và chuyển hồ sơ trong ngày làm việc hoặc sáng ngày làm việc tiếp theo trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15h)</i>	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ về Trưởng bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
B3	Chuyển hồ sơ phòng tới chuyên môn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	1/4 ngày làm việc	- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả;

		TTHC		- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1/4 ngày làm việc	- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B5	Thẩm định nội dung hồ sơ			
	Trường hợp đạt yêu cầu: Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y; Trường hợp không cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Chuyên viên; Lãnh đạo phòng chuyên môn; Lãnh đạo Chi cục	02 ngày làm việc (Trong đó: <i>Chuyên viên: 01 ngày; lãnh đạo phòng chuyên môn: 1/2 ngày; Lãnh đạo Chi cục: 1/2 ngày</i>)	- Chứng chỉ hành nghề thú y; - Hoặc văn bản thông báo từ chối cấp Chứng chỉ hành nghề thú y; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B6	Hoàn thiện hồ sơ; Bàn giao kết quả giải quyết TTHC về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Chuyên viên	1/2 ngày làm việc	- Chứng chỉ hành nghề thú y; - Hoặc văn bản thông báo từ chối cấp Chứng chỉ hành nghề thú y; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B7	- Thu phí/ lệ phí (Trực tiếp hoặc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả	Giờ hành chính	- Chứng chỉ hành nghề thú y;

	chuyên khoản theo lựa chọn của tổ chức, công dân) - Trả kết quả giải quyết TTHC	kết quả TTHC		- Sổ theo dõi hồ sơ
B8	Thống kê và theo dõi; Lưu hồ sơ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC Phòng chuyên môn	Giờ hành chính	HS giải quyết TTHC, kèm theo: <i>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có); Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (trường hợp từ chối tiếp nhận HS); Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (trường hợp giải quyết hồ sơ chậm muộn); Sổ theo dõi hồ sơ.</i>
4	Biểu mẫu			
	1. Đơn đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề thú y (Phụ lục III Nghị định 35/2016/NĐ-CP);			
	2. Đơn đăng ký gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y (Phụ lục III Nghị định			

	35/2016/NĐ-CP);
	3. Mẫu chứng chỉ hành nghề thú y (Phụ lục II Nghị định số 35/2016/NĐ-CP);
	4. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu số 01-06).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội

Tên tôi là:

Ngày tháng năm sinh:

Địa chỉ thường trú:

Bằng cấp chuyên môn:

Ngày cấp:

Nay đề nghị Quý cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề:

- ☐ Tiêm phòng, chữa bệnh, tiểu phẫu (thiến, cắt đuôi) động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y.
- ☐ Khám bệnh, chẩn đoán bệnh, phẫu thuật động vật, xét nghiệm bệnh động vật.
- ☐ Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật trên cạn.
- ☐ Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật thủy sản.

Tại:.....

Địa chỉ hành nghề:

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm túc những quy định của pháp luật và của ngành thú y.

(Ghi chú: Nộp 02 ảnh 4x6)

Hà Nội, ngày tháng năm 202

Người đứng đơn

(Ký ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐĂNG KÝ****GIA HẠN CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y**

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội

Tên tôi là:

Ngày tháng năm sinh:

Địa chỉ thường trú:

Bằng cấp chuyên môn:

Đã được Chi cục
cấp Chứng chỉ hành nghề thú y:☐ Tiêm phòng, chữa bệnh, tiểu phẫu (thiến, cắt đuôi) động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y.☐ Khám bệnh, chẩn đoán bệnh, phẫu thuật động vật, xét nghiệm bệnh động vật.☐ Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật trên cạn.☐ Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật thủy sản.

Tại:

Số CCHN:

Ngày cấp:

Nay đề nghị Quý Chi cục cấp gia hạn Chứng chỉ hành nghề trên.

Gửi kèm Chứng chỉ hành nghề hết hạn và 02 ảnh 4x6.

*Hà Nội, ngày tháng năm 20***Người đứng đơn***(Ký ghi rõ họ tên)*

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHI CỤC CHĂN NUÔI, THỦY SẢN VÀ THÚ Y	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
	CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y
Chứng chỉ hành nghề thú y	- Căn cứ Luật Thú y năm 2015;
	- Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết về một số điều của Luật thú y;
	- Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc tổ chức lại Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Nội trên cơ sở sáp nhập Chi cục Thủy sản Hà Nội vào Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Nội và đổi tên thành Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội.
	CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC CHĂN NUÔI, THỦY SẢN VÀ THÚ Y HÀ NỘI
	Cấp cho Ông (bà):
SỐ ĐĂNG KÝ:...../CNTY-CCHN	Năm sinh:
	Địa chỉ thường trú:
	Bằng cấp chuyên môn:
	Được phép hành nghề:
	Tại:
	, ngàytháng.....năm.....
Chứng chỉ có giá trị đến.....	CHI CỤC TRƯỞNG

09. Quy trình Cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y) (QT - 09)

1	Mục đích Quy định cách thức, nội dung, trình tự thực hiện thủ tục Cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y cho tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y).		
2	Phạm vi Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y; Cán bộ, công chức Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 3279/QĐ-BNN-CN ngày 22/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đơn đăng ký cấp lại;	x	
	- Chứng chỉ hành nghề thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất;	x	
	- 02 ảnh 4x6cm.	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ hồ sơ		

3.4	Thời gian xử lý: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả:			
	- Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả TTHC Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội. - Địa chỉ: 114 đường Lê Trọng Tấn, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. - Cách thức tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận trực tiếp hoặc Qua dịch vụ bưu chính hoặc Qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.			
3.6	Lệ phí: 50.000 đồng/lần			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	- Giờ hành chính <i>(Trường hợp Nộp hồ sơ trực tiếp Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính công ích)</i> - Trong và ngoài giờ hành chính <i>(Trường hợp Nộp hồ sơ trực tuyến)</i>	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ về Trưởng bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính <i>(Tiếp nhận và chuyển hồ sơ trong ngày làm việc hoặc sáng ngày làm việc tiếp theo trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15h)</i>	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
B3	Chuyển hồ sơ tới phòng chuyên môn	Trưởng Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	1/4 ngày làm việc	- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Phiếu kiểm

				soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1/4 ngày làm việc	- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B5	Thẩm định nội dung hồ sơ			
	Trường hợp đạt yêu cầu: Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y; Trường hợp không cấp lại trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Chuyên viên; Lãnh đạo phòng chuyên môn; Lãnh đạo Chi cục	02 ngày làm việc (Trong đó: Chuyên viên: 01 ngày; Lãnh đạo phòng chuyên môn: 1/2 ngày; Lãnh đạo Chi cục: 1/2 ngày)	- Chứng chỉ hành nghề thú y - Hoặc văn bản thông báo từ chối cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B6	Hoàn thiện hồ sơ; Bàn giao kết quả giải quyết TTHC về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC.	Chuyên viên	1/2 ngày làm việc	- Chứng chỉ hành nghề thú y - Hoặc văn bản thông báo từ chối cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B7	- Thu phí/ lệ phí (Trực tiếp hoặc chuyển khoản theo lựa chọn của tổ chức, công dân) - Trả kết quả giải	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính	- Chứng chỉ hành nghề thú y - Hoặc văn bản thông báo từ chối cấp lại chứng chỉ hành

	quyết TTHC			nghề thú y - Sổ theo dõi hồ sơ
B8	- Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC -Phòng chuyên môn	Giờ hành chính	HS giải quyết TTHC, kèm theo: <i>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có); Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (trường hợp từ chối tiếp nhận HS); Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (trường hợp giải quyết hồ sơ chậm muộn); Sổ theo dõi hồ sơ.</i>
4	Biểu mẫu			
	1. Đơn đăng ký cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y;			
	2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu số 01- 06).			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP LẠI
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội

Tên tôi là:

Ngày tháng năm sinh:

Địa chỉ thường trú:

Bằng cấp chuyên môn:

Ngày cấp:

Đã được Chi cục.....cấp

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Lý do cấp lại:

- Bị mất, sai sót, hư hỏng:.....

- Thay đổi thông tin có liên quan đến cá nhân đăng ký:.....

.....

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm túc những quy định của pháp luật và của ngành thú y.

(Ghi chú: Nộp 02 ảnh 4x6)

Hà Nội, ngàytháng năm

Người làm đơn

(ký, ghi rõ họ tên)

10. Quy trình cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (QT - 10)

1	Mục đích Quy trình này quy định cách thức, nội dung, trình tự thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.
2	Phạm vi Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh; Kiểm dịch viên của Đội kiểm dịch động vật lưu động, Trạm Chăn nuôi và Thú y các quận trực thuộc Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 25/2016/TT-BNN PTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài Chính; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; - Thông tư 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 1214/QĐ-BNN-TY ngày 26/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; - Quyết định số 333/QĐ-CNTS&TY ngày 05/6/2024 của Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội.

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Đơn đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật theo Mẫu 1 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).	x	
3.3	Số lượng hồ sơ:		
	Không quy định		
3.4	Thời gian xử lý:		
	(i) Kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh: <i>* Đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y:</i> Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch. <i>* Đối với động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT):</i> Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch. (ii) Kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh <i>* Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y:</i> Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch. <i>* Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y:</i> Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ		

	ngày nhận được đăng ký kiểm dịch.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả:			
	- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Đội kiểm dịch động vật lưu động; các Trạm Chăn nuôi và Thú y các quận được ủy quyền; - Trả kết quả tại trụ sở Đội kiểm dịch động vật lưu động; Các Trạm Chăn nuôi và Thú y các quận hoặc các điểm kiểm dịch động vật, sản phẩm lưu động trên địa bàn Thành phố được ủy quyền. - Địa chỉ: + Đội kiểm dịch động vật lưu động: Ba La, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; + Trạm Chăn nuôi và Thú y quận Long Biên: Tổ 5, phường Thịnh Bàn, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; + Trạm Chăn nuôi và Thú y quận Hoàng Mai: Nhà C, khu đô thị Đền Lừ, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; + Trạm Chăn nuôi và Thú y quận Hai Bà Trưng: Tầng 1, nhà B1, Trại Găng, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.			
3.6	Mức thu phí: - Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật: Theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Đăng ký kiểm dịch: (Trước khi vận chuyển động vật ra khỏi địa bàn)	Tổ chức, cá nhân	Hàng ngày	Theo mục 3.2

	cấp tỉnh, chủ hàng phải đăng ký kiểm dịch với cơ quan kiểm dịch: Đội kiểm dịch động vật lưu động; Các Trạm Chăn nuôi và Thú y quận)			
B2	Tiến hành kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch			
1	Kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh:			
1.1	Kiểm dịch động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y, thực hiện sau:			
+	Kiểm tra lâm sàng;	Kiểm dịch viên		Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật
+	Lấy mẫu xét nghiệm bệnh theo quy định tại Mục I Phụ lục XI ban hành theo Thông tư 25/2016/TT-BNN PTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT và Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT): Mẫu xét nghiệm là mẫu gộp từ 05 mẫu đơn thành 01 mẫu để xét nghiệm tác nhân gây bệnh. Chỉ gộp mẫu đơn cùng loài động vật, cùng lô hàng, cùng một cơ sở chăn nuôi hoặc thu gom, kinh doanh động vật. Trường hợp không thể gộp mẫu để xét nghiệm theo mẫu gộp, xét nghiệm các tác nhân	Kiểm dịch viên/Kỹ thuật viên	05 ngày làm việc	(Trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc ra thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; Trường hợp không đảm bảo các yêu cầu vệ sinh thú y, không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, tiến hành xử lý theo quy định và thông báo,

	gây bệnh theo mẫu đơn);			trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do)
+	Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;	Kiểm dịch viên	05 ngày làm việc	
+	Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;	Kiểm dịch viên		
+	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch;	Kiểm dịch viên		
+	Thông báo cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, số lượng hàng, mục đích sử dụng, biện kiểm soát phương tiện vận chuyển.	Bộ phận tổng hợp của các cơ quan trực thuộc Chi cục được ủy quyền kiểm dịch; Chuyên viên Phòng Quản lý dịch bệnh	Thực hiện thông báo ngay sau khi cấp giấy chứng nhận kiểm dịch đối với động vật chuyển để làm giống, tổng hợp thông báo theo tuần đối với động vật vận chuyển để giết mổ	
1.2	Kiểm dịch động vật xuất phát từ cơ sở được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNN PTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT), thực hiện như sau:			
+	Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;	Kiểm dịch viên	01 ngày làm việc	Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật

+	Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;	Kiểm dịch viên		
+	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch;	Kiểm dịch viên		
+	Thông báo cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin: Số giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, số lượng hàng, mục đích sử dụng, biện kiểm soát phương tiện vận chuyển.	Bộ phận tổng hợp của các cơ quan trực thuộc Chi cục được ủy quyền kiểm dịch; Chuyên viên Phòng Quản lý dịch bệnh.	Thực hiện thông báo ngay sau khi kiểm dịch đối với động vật chuyển để làm giống, tổng hợp thông báo theo tuần đối với động vật vận chuyển để giết mổ	
2	Kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh:			
2.1	Kiểm dịch sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại Khoản 1 Điều 37 Luật thú y, thực hiện như sau:			
+	Kiểm tra thực trạng hàng hóa; Điều kiện bao gói, bảo quản sản phẩm động vật;	Kiểm dịch viên	05 ngày làm việc	Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật. <i>(Trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc ra thông báo, trả lời</i>
+	Lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNN PTNT;	Kiểm dịch viên/Kỹ thuật viên		
+	Niêm phong, kẹp chì	Kiểm dịch		

	phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;	viên		<i>bằng văn bản và nêu rõ lý do; trường hợp không đảm bảo các yêu cầu vệ sinh thú y, không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, tiến hành xử lý theo quy định và thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do)</i>
+	Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;	Kiểm dịch viên		
+	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch;	Kiểm dịch viên		
+	Tổng hợp thông báo theo tuần cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, Mục đích sử dụng, biển kiểm soát phương tiện vận chuyển.	Bộ phận tổng hợp của các cơ quan trực thuộc Chi cục được ủy quyền kiểm dịch. Chuyên viên Phòng Quản lý dịch bệnh	Hàng tuần	
2.2	Kiểm dịch sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNN PTNT; từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y, thực hiện như sau:			

+	Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;	Kiểm dịch viên	01 ngày làm việc	Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật
+	Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;	Kiểm dịch viên		
+	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch;	Kiểm dịch viên		
+	Tổng hợp thông báo theo tuần cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, Mục đích sử dụng, biện kiểm soát phương tiện vận chuyển.	Bộ phận tổng hợp của các cơ quan trực thuộc Chi cục được ủy quyền kiểm dịch. Chuyên viên Phòng Quản lý dịch bệnh	Hàng tuần	
4	Biểu mẫu			
	Các mẫu biểu được sử dụng theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024).			

Mẫu 1a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH
Số:/ĐK-KĐĐV

Kính gửi:

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân:..... Cấp ngày...../...../.....
tại.....

Điện thoại:Fax:Email:.....

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I/ ĐỘNG VẬT:

Loại động vật	Giống	Tuổi	Tính biệt		Mục đích sử dụng
			Đực	Cái	
Tổng số					

Tổng số (viết bằng chữ):.....

Nơi xuất phát:.....

Tình trạng sức khỏe động vật:.....

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh:.....

..... theo Quyết số...../.....ngày...../...../.....
của(1).....(nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

1/Kết quả xét nghiệm số/.....ngày...../...../.....

2/Kết quả xét nghiệm số/.....ngày...../...../.....

3/Kết quả xét nghiệm số/.....ngày...../...../.....

4/Kết quả xét nghiệm số/.....ngày...../...../.....

5/Kết quả xét nghiệm số/.....ngày...../...../.....

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau (loại vắc xin, nơi sản xuất):

- 1/tiêm phòng ngày...../...../.....
 2/tiêm phòng ngày...../...../.....
 3/.....tiêm phòng ngày...../...../.....
 4/.....tiêm phòng ngày...../...../.....
 5/.....tiêm phòng ngày...../...../.....

II/ CÁC THÔNG TIN KHÁC

Tên tổ chức, cá nhân nhập hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:

Nơi đến (cuối cùng):

Phương tiện vận chuyển:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

- 1/Số lượng:Khối lượng:
 2/Số lượng:Khối lượng:
 3/Số lượng:Khối lượng:

Điều kiện bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển:

Các vật dụng khác liên quan kèm theo:

.....

Các giấy tờ liên quan kèm theo:

.....

Địa điểm kiểm dịch:

Thời gian kiểm dịch:

Tôi xin cam đoan việc đăng ký trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

Đăng ký tại.....

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm.....

Ngàythángnăm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

.....

..... vào hồigiờ..... ngày/...../.....

Vào sổ đăng ký số..... ngày/...../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 1b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT
VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH
Số:/ĐK-KDSPĐV

Kính gửi:

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):.....

Địa chỉ giao dịch:

Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân:..... Cấp ngày...../...../.....
tại.....

Điện thoại:Fax:Email:.....

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

Tên hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (2)	Khối lượng (kg)	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số (viết bằng chữ):.....

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số/.....ngày...../...../.....của(3).....
(nếu có).

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Điện thoại:Fax:.....

III/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên tổ chức, cá nhân nhập hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....

Nơi đến (cuối cùng):.....

Phương tiện vận chuyển:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/Số lượng:Khối lượng:.....

2/Số lượng:Khối lượng:.....

3/Số lượng:Khối lượng:.....

Điều kiện bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển:

Các vật dụng khác liên quan kèm theo:.....

Các giấy tờ liên quan kèm theo:

Địa điểm kiểm dịch:.....

Thời gian kiểm dịch:.....

Tôi xin cam đoan việc đăng ký trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

Đăng ký tại.....

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm.....

Ngàythángnăm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

..... vào hồigiờ..... ngày/...../.....

Vào sổ đăng ký số..... ngày/...../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Đơn đăng ký được làm 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ;

- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;

- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận;

- (2) Số lượng kiện, thùng, hộp,...;

- (3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm..

Mẫu 12b

**TÊN CƠ QUAN KIỂM
DỊCH ĐỘNG VẬT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN
RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**
Số:...../CN-KDDV-UQ

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):.....

Địa chỉ giao dịch:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Vận chuyển số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi (l)	Tính biệt		Số lượng (Con)	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số (viết bằng chữ):.....

Nơi xuất phát:.....

Nơi đến cuối cùng:.....

Phương tiện vận chuyển:.....Biển kiểm soát:.....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/Số lượng:.....

2/Số lượng:.....

3/Số lượng:.....

Các vật dụng khác có liên quan:.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh:.....

.....

2/ Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;

3/ Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh: tại kết quả xét nghiệm số:...../..... Ngày...../...../.....của.....(2).....(*gửi kèm bản sao, nếu có*).

4/ Động vật đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh:

-tiêm phòng ngày...../...../.....

-tiêm phòng ngày...../...../.....

-tiêm phòng ngày...../...../.....

-tiêm phòng ngày...../...../.....

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng.....nồng độ.....

Giấy có giá trị đến ngày:...../...../.....

Cấp tại....., ngày...../...../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1): Đối với động vật làm giống;

(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

Mẫu 12d

**TÊN CƠ QUAN KIỂM
DỊCH ĐỘNG VẬT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT
VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**
Số:/CN-KDSPĐV-UQ

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):.....

Địa chỉ giao dịch:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Vận chuyển số động vật sau:

Loại hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (1)	Khối lượng (kg)	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số (viết bằng chữ):.....

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Nơi đến cuối cùng:.....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/Số lượng:.....Khối lượng:.....

2/Số lượng:.....Khối lượng:.....

3/Số lượng:.....Khối lượng:.....

Phương tiện vận chuyển:.....Biên kiểm soát:.....

Điều kiện bảo quản hàng khi vận chuyển:.....

Các vật dụng khác có liên quan:.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Sản phẩm động vật trên được lấy từ động vật khỏe mạnh; xuất phát từ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh và được giết mổ, sơ chế, bảo quản bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;

2/ Sản phẩm động vật trên đã được kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại kết quả xét nghiệm số:...../.....ngày...../...../.....của.....(2).....(gửi kèm bản sao, nếu có).

3/ Sản phẩm động vật trên đáp ứng các yêu cầu sau:.....
.....

4/ Sản phẩm động vật đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ..... (nếu có).

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc.....bằng nồng độ.....

Giấy có giá trị đến ngày:/...../.....

Cấp tại....., ngày...../...../.....
KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT
(Ký, ghi rõ họ tên)

(1): Số lượng kiện, thùng, hộp, ...;

(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

11. Quy trình: Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (QT-11)

1	Mục đích Quy trình này quy định cách thức, nội dung, trình tự thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.		
2	Phạm vi Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh; Kiểm dịch viên của Đội kiểm dịch động vật lưu động, Trạm Chăn nuôi và Thú y các quận trực thuộc Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 26/2016/TT-BNN PTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2016 của Bộ Tài; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; - Quyết định số 333/QĐ-CNTS&TY ngày 05/6/2024 của Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Giấy đăng ký kiểm dịch theo mẫu 01 TS Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		

a. Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Thú y: + Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch; + Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; Trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. b. Đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh: Trong thời hạn 01 ngày làm việc.				
3.5 Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Đội kiểm dịch động vật lưu động; Các Trạm Chăn nuôi và Thú y các quận được ủy quyền. - Trả kết quả tại trụ sở Đội kiểm dịch động vật lưu động; các Trạm Chăn nuôi và Thú y các quận. Hoặc các điểm kiểm dịch động vật, sản phẩm lưu động trên địa bàn Thành phố được ủy quyền. - Địa chỉ: + Đội kiểm dịch động vật lưu động: Ba La, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; + Trạm Chăn nuôi và Thú y quận Long Biên: Tổ 5, phường Thịnh Bàn, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; + Trạm Chăn nuôi và Thú y quận Hoàng Mai: Nhà C, khu đô thị Đền Lừ, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; + Trạm Chăn nuôi và Thú y quận Hai Bà Trưng: Tầng 1, nhà B1, Trại Găng, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.				
3.6 Mức thu phí				
- Phí kiểm dịch: Chi tiết theo mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y ban hành theo thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. - Các chỉ tiêu kiểm tra theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.				
3.7 Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả

a	Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Thú y vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh gồm: - Động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất phát từ vùng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố dịch; - Động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh; - Động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản chưa được công nhận cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc chưa được giám sát dịch bệnh theo quy định; - Động vật, sản phẩm động vật không thuộc trường hợp quy định tại các trường hợp nêu trên khi có yêu cầu của chủ hàng.			
B1	Đăng ký kiểm dịch: Trước khi vận chuyển động vật, sản phẩm động vật thủy sản ra khỏi địa bàn cấp tỉnh, chủ hàng phải đăng ký kiểm dịch với cơ quan kiểm dịch: Đội kiểm dịch động vật lưu động; Các Trạm Chăn nuôi và Thú y quận	Tổ chức/ cá nhân	Hàng ngày	Theo mục 3.2
B2	Thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch	Kiểm dịch viên	01 ngày làm việc	
B3	Tiến hành kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch			
1	Kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản chưa được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc chưa được giám sát dịch bệnh theo quy định hoặc từ cơ sở thu gom, kinh doanh vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh:			
-	Việc kiểm dịch được thực hiện ngay tại nơi nuôi giữ tạm thời; bể, ao ương con giống của các cơ sở nuôi trồng thủy sản; Cơ sở thu gom, kinh doanh.			
-	Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện kiểm dịch như sau:			
+	Kiểm tra số lượng, chủng loại, kích cỡ động vật thủy sản;	Kiểm dịch viên	03 ngày làm việc	Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật

+	Kiểm tra lâm sàng;	Kiểm dịch viên		(Trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; Trường hợp chỉ tiêu xét nghiệm bệnh dương tính, không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định về phòng chống dịch bệnh thủy sản)
+	Lấy mẫu kiểm tra các bệnh theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT;	Kiểm dịch viên		
+	Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo;	Kiểm dịch viên		
+	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 55 của Luật thú y;	Kiểm dịch viên		
+	Kiểm tra, giám sát quá trình bốc xếp động vật thủy sản giống lên phương tiện vận chuyển;	Kiểm dịch viên		
+	Thông báo cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin gồm: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, tên chủ hàng, nơi hàng đến, biên kiểm soát của phương tiện vận chuyển vào 16 giờ 30 phút hàng ngày.	Bộ phận tổng hợp của các cơ quan trực thuộc Chi cục được ủy quyền kiểm dịch. Chuyên viên Phòng Quản lý dịch bệnh	Hàng tuần	
2	Kiểm dịch động vật thủy sản thương phẩm xuất phát từ vùng công bố dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh:			
-	Động vật thủy sản thương phẩm thu hoạch từ cơ sở nuôi không có dịch bệnh trong vùng công bố dịch, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện việc kiểm dịch như sau:			

+	Kiểm tra số lượng, chủng loại, kích cỡ động vật thủy sản;	Kiểm dịch viên	03 ngày làm việc	Giấy chứng nhận kiểm dịch (Trường hợp sản phẩm động vật thủy sản không đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định)
+	Kiểm tra lâm sàng;	Kiểm dịch viên		
+	Lấy mẫu kiểm tra tác nhân gây bệnh đối với động vật thủy sản thương phẩm cảm nhiễm với bệnh được công bố dịch theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.	Kiểm dịch viên		
-	Động vật thủy sản thu hoạch từ cơ sở nuôi có bệnh đang công bố dịch phải được chế biến (xử lý nhiệt hoặc tùy từng loại bệnh có thể áp dụng biện pháp xử lý cụ thể bảo đảm không để lây lan dịch bệnh) trước khi đưa ra khỏi vùng công bố dịch.			
3	Kiểm dịch sản phẩm động vật thủy sản xuất phát từ vùng công bố dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh:			
-	Việc kiểm dịch được thực hiện ngay tại cơ sở sơ chế, chế biến của chủ hàng			
-	Nội dung kiểm dịch như sau:			
+	Kiểm tra số lượng, chủng loại sản phẩm động vật thủy sản;	Kiểm dịch viên	03 ngày làm việc	Theo mục 3.2 Giấy chứng nhận kiểm dịch
+	Kiểm tra việc thực hiện các quy định về sơ chế, chế biến thủy sản trước khi đưa ra khỏi vùng công bố dịch;	Kiểm dịch viên		
+	Kiểm tra tình trạng bao gói, bảo quản, cảm quan đối với sản phẩm động vật thủy sản;	Kiểm dịch viên		
+	Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển và các vật dụng	Kiểm dịch viên		

	kèm theo;			
+	Thực hiện hoặc giám sát chủ hàng thực hiện việc vệ sinh, khử trùng tiêu độc phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo trước khi xếp hàng lên phương tiện vận chuyển;	Kiểm dịch viên		
+	Kiểm tra, giám sát quá trình bốc xếp sản phẩm động vật thủy sản lên phương tiện vận chuyển; Niêm phong phương tiện vận chuyển; Thực hiện hoặc giám sát chủ hàng thực hiện việc vệ sinh, khử trùng tiêu độc nơi tập trung, bốc xếp hàng.	Kiểm dịch viên		
b	Kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ các cơ sở nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh hoặc được giám sát dịch bệnh vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh:			
B1	Đăng ký kiểm dịch; Trước khi vận chuyển động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ các cơ sở nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh hoặc được giám sát dịch bệnh vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh, chủ hàng phải đăng ký kiểm dịch với cơ quan kiểm dịch: Đội kiểm dịch động vật lưu động; Các Trạm Chăn nuôi và Thú y quận.	Tổ chức/ cá nhân	Hàng ngày	Theo mục 3.2
B2	Tiến hành kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch			

-	Cơ sở phải đảm bảo được công nhận an toàn dịch hoặc được giám sát dịch bệnh đối với các bệnh động vật thủy sản theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.			
-	Nội dung kiểm dịch như sau:			
+	Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo;	Kiểm dịch viên	01 ngày làm việc	Giấy chứng nhận kiểm dịch
+	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 55 của Luật Thú y;	Kiểm dịch viên		
+	Kiểm tra, giám sát quá trình bốc xếp động vật thủy sản giống lên phương tiện vận chuyển.	Kiểm dịch viên		
4	BIỂU MẪU			
	1. Giấy đăng ký kiểm dịch theo mẫu 01 TS Phụ lục V Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;			

Phụ lục V Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Mẫu: 01 TS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN VẬN
CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**

Số: ĐKKD-VCTS

Kính gửi:.....

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Fax: E.mail:

CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu số: Ngày cấp Tại

Đề nghị được kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh số hàng sau:

TT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích thước cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng/ Trọng lượng
			Tổng số	

Tổng số viết bằng chữ:

Mục đích sử dụng:

Quy cách đóng gói/bảo quản: Số lượng bao gói:

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống/nuôi trồng/sơ chế, chế biến/ bảo quản:

.....

Mã số cơ sở (nếu có):

Điện thoại: Fax: E.mail:

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E.mail:

Nơi đến/nơi thả nuôi cuối cùng:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng/Trọng lượng:

2/ Số lượng/Trọng lượng:

3/ Số lượng/Trọng lượng:

Phương tiện vận chuyển:

Địa điểm kiểm dịch:

Thời gian kiểm dịch:

*** Đối với sản phẩm thủy sản xuất phát từ cơ sở nuôi có bệnh đang công bố dịch đề nghị cung cấp bổ sung các thông tin sau đây:**

- Thời gian thu hoạch:

- Mục đích sử dụng động vật thủy sản mắc bệnh:.....

- Biện pháp xử lý động vật thủy sản mắc bệnh trước khi vận chuyển:

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng pháp Luật Thú y./.

CÁN BỘ TIẾP NHẬN GIẤY ĐĂNG KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại

Ngày tháng năm

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Kích thước cá thể (đối với thủy sản giống)/Dạng sản phẩm đối với sản phẩm thủy sản);
- Giấy khai báo kiểm dịch được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ 01 bản do tổ chức, cá nhân giữ..

12. Quy trình Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y (QT - 12)

1	Mục đích Quy định cách thức, nội dung, trình tự thực hiện thủ tục cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y.		
2	Phạm vi Áp dụng đối các tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y; Cán bộ, công chức Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y; - Thông tư số 13/2016/TT-BNN PTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 3279/QĐ-BNN-CN ngày 22/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; - Quyết định số 4202/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; - Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y theo mẫu (Phụ lục XLII Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT);	x	
	- Bản sao chụp giấy chứng nhận đăng ký thuốc thú y;		x
	- Sản phẩm quảng cáo (nội dung, hình thức quảng cáo được thể hiện bằng hình ảnh, âm thanh, tiếng nói, chữ viết, biểu		x

	tượng, màu sắc, ánh sáng và các hình thức tương tự);			
	- Danh sách báo cáo viên ghi đầy đủ thông tin về bằng cấp chuyên môn hoặc chức danh khoa học của báo cáo viên đối với trường hợp hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hóa, thể dục thể thao (đóng dấu xác nhận của Doanh nghiệp).			x
3.3	Số lượng hồ sơ:			
	01 bộ hồ sơ			
3.4	Thời gian xử lý: 13 ngày làm việc			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả:			
	- Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả TTHC Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội. - Địa chỉ: 114 đường Lê Trọng Tấn, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. - Cách thức tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính hoặc Qua Cổng dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.hanoi.gov.vn .			
3.6	Mức thu phí: 900.000 đồng/lần			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính (<i>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ trong ngày làm việc hoặc sáng ngày làm việc tiếp theo trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15h</i>)	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ về Trưởng bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả

B3	Chuyển hồ sơ tới phòng chuyên môn	Trưởng Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	01 ngày làm việc	- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn	01 ngày làm việc	- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B5	Thẩm định nội dung hồ sơ			
	- Trường hợp đạt yêu cầu: Cấp giấy chứng nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y - Trường hợp không cấp giấy chứng nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do	Chuyên viên; Lãnh đạo phòng chuyên môn; Lãnh đạo Chi cục	10 ngày làm việc <i>(Trong đó: Chuyên viên: 08 ngày; lãnh đạo phòng chuyên môn: 01 ngày; Lãnh đạo Chi cục: 01 ngày)</i>	- Giấy chứng nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y; - Hoặc văn bản thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
B6	Hoàn thiện hồ sơ; Bàn giao kết quả giải quyết TTHC về Bộ phận Tiếp	Chuyên viên	01 ngày làm việc	- Giấy chứng nhận nội dung quảng cáo

	nhận và Trả kết quả TTHC			thuốc thú y; - Hoặc văn bản thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B7	- Thu phí/ lệ phí (Trực tiếp hoặc chuyển khoản theo lựa chọn của tổ chức, công dân); - Trả kết quả giải quyết TTHC	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính	- Giấy chứng nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y; - Hoặc văn bản thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y; - Sổ theo dõi hồ sơ
B8	Thống kê và theo dõi; Lưu hồ sơ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC; - Phòng chuyên môn	Giờ hành chính	HS giải quyết TTHC, kèm theo: <i>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Phiếu yêu cầu bổ sung,</i>

				hoàn thiện hồ sơ (nếu có); Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (trường hợp từ chối tiếp nhận HS); Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (trường hợp giải quyết hồ sơ chậm muộn); Sổ theo dõi hồ sơ.
4	Biểu mẫu			
	1. Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y (Phụ lục XLII Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT);			
	2. Mẫu giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y (Phụ lục XLIII Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT);			
	3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ(Mẫu số 01-06).			

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO
THUỐC THÚ Y**

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại.....Fax:Email:.....

Số giấy phép hoạt động:

Họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm đăng ký hồ sơ:.....

Kính đề nghị xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối
với thuốc thú y sau:

TT	Tên thuốc thú y	Giấy chứng chứng nhận lưu hành	Phương tiện quảng cáo
1			
2			

Các tài liệu gửi kèm:

1.....

2.....

3.....

Chúng tôi cam kết sẽ quảng cáo đúng nội dung được xác nhận, tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật trên và các quy định khác của pháp luật về quảng cáo. Nếu quảng cáo sai nội dung được xác nhận chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đại diện tổ chức, cá nhân*(ký tên và đóng dấu nếu có)*

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT HÀ NỘI
CHI CỤC CHĂN NUÔI, THỦY SẢN VÀ THÚ Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm

GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THUỐC THÚ Y

Số:/XNQC-CNTY

Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội xác nhận:

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo:

Địa chỉ:.....

Số điện thoại: Fax:Email:.....

Có nội dung quảng cáo các thuốc thú y trong bảng dưới đây phù hợp với quy định hiện hành.

TT	Tên thuốc thú y	Giấy chứng nhận lưu hành	Phương tiện quảng cáo

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quảng cáo thuốc thú y đúng nội dung đã được xác nhận./.

CHI CỤC TRƯỞNG

13. Quy trình Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (QT- 13)

1	Mục đích Quy trình này quy định cách thức, nội dung, trình tự thực hiện thủ tục Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật cấp xã.		
2	Phạm vi Áp dụng đối với Ủy ban nhân dân cấp xã không thuộc phạm vi theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 3, Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật; cán bộ,công chức thuộc Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 554/QĐ-BNN-TY ngày 13/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Văn bản đề nghị (theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT);	x	
	- Bản mô tả thông tin về vùng đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh động vật (theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT);	x	
	- Báo cáo khắc phục sai lỗi (đối với trường hợp vùng phải thực hiện khắc phục nếu kiểm tra thực tế tại cơ sở không đạt yêu cầu theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 29 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT).	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		

	01 bộ hồ sơ			
3.4	Thời hạn giải quyết			
	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 30 ngày. - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 30 ngày không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 35 ngày không kể thời gian vùng thực hiện khắc phục. - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 35 ngày không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả TTHC Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội. - Địa chỉ: 114 đường Lê Trọng Tấn, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. - Cách thức tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính hoặc Qua Cổng dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.hanoi.gov.vn.			
3.6	Mức thu phí			
	- Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng/lần (<i>Theo khoản 1 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y, Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</i>). - Chi phí xét nghiệm mẫu (<i>nếu có</i>): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y, Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Nộp hồ sơ Trường hợp nộp trực tuyến: Ủy ban nhân dân cấp xã nộp bổ sung hồ sơ bản chính khi đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính.	Ủy ban nhân dân cấp xã	- Giờ hành chính (<i>Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích</i>). - Trong và ngoài	Theo mục 3.2

			giờ hành chính (<i>Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến</i>).	
B2	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày trả kết quả. - Chuyển hồ sơ về Trưởng Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính (<i>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ trong ngày làm việc hoặc sáng ngày làm việc tiếp theo trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ</i>).	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
B3	Chuyển hồ sơ tới phòng chuyên môn.	Trưởng Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	1/2 ngày	-Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; -Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
B4	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	1/2 ngày	- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
B5	Kiểm tra, thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: thông báo cho chủ cơ sở về kế hoạch đánh giá thực tế tại cơ sở. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Thông báo bằng văn bản cho chủ cơ sở để	Chuyên viên; Lãnh đạo phòng chuyên môn; Lãnh đạo Chi cục	04 ngày (Trong đó: Chuyên viên 02 ngày; Lãnh đạo phòng chuyên môn: 01 ngày; Lãnh đạo Chi cục: 01 ngày)	- Thông báo kế hoạch đánh giá thực tế tại cơ sở; - Văn bản Thông báo (nếu có).

	hoàn thiện.			
B6	- Đánh giá trực tiếp tại vùng. - Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh lây lan sang người hoặc dịch bệnh động vật nguy hiểm phải công bố dịch theo quy định của pháp luật về thú y, thực hiện đánh giá như sau: + Áp dụng hình thức đánh giá trực tuyến đối với vùng đáp ứng yêu cầu về nguồn lực, phương tiện kỹ thuật thực hiện (máy tính, đường truyền internet, ứng dụng phần mềm, máy ghi âm, ghi hình); + Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, dữ liệu, tài liệu, hình ảnh, hồ sơ cung cấp cho Đoàn đánh giá; + Trường hợp cần thiết, Cơ quan thú y tổ chức đánh giá trực tiếp tại vùng sau khi thiên tai, dịch bệnh đã được kiểm soát theo quy định của pháp luật.	Thành lập Đoàn đánh giá; Đoàn đánh giá tại vùng	10 ngày	Biên bản kiểm tra, đánh giá tại vùng
B7	Cấp giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh			
	- Trường hợp vùng không phải khắc phục sai lỗi	Chuyên viên; Lãnh đạo phòng chuyên môn;	14 ngày (<i>Chuyên viên 12 ngày; Lãnh đạo phòng 01 ngày; Lãnh đạo Chi cục 01 ngày</i>)	- Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật; - Văn bản trả

		Lãnh đạo Chi cục.		lời trong trường hợp vùng có kết quả đánh giá không đạt yêu cầu.
	- Trường hợp vùng phải khắc phục sai lỗi	UBND cấp xã; Chuyên viên; Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Chi cục	19 ngày (<i>UBND cấp xã khắc phục và nộp báo cáo trong 05 ngày; Chuyên viên 12 ngày; Lãnh đạo phòng 01 ngày; Lãnh đạo Chi cục 01 ngày</i>)	- Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; - Văn bản trả lời trong trường hợp vùng có hồ sơ không hợp lệ.
B8	Hoàn thiện hồ sơ; Bàn giao kết quả giải quyết TTHC về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Chuyên viên	01 ngày	- Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật; - Hoặc văn bản thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.

B9	- Thu phí/ lệ phí (Trực tiếp hoặc chuyển khoản theo lựa chọn của tổ chức, công dân); - Trả kết quả giải quyết TTHC.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính	- Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật; - Hoặc văn bản thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật; - Sổ theo dõi kết quả giải quyết TTHC.
B8	- Thống kê và theo dõi; - Lưu hồ sơ	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC; - Phòng chuyên môn.	Giờ hành chính	HS giải quyết TTHC, kèm theo: <i>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có); Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (trường hợp từ chối tiếp</i>

				<i>nhận HS); Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (trường hợp giải quyết hồ sơ chậm muộn); Sổ theo dõi hồ sơ.</i>
4	Biểu mẫu			
	1. Văn bản đề nghị theo mẫu tại Phụ lục II, Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;			
	2. Bản mô tả thông tin theo mẫu tại Phụ lục IV, Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;			
	3. Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại mục 2, Phụ lục XII, Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;			
	4. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu số 01-06).			

Phụ lục II
MẪU VĂN BẢN ĐĂNG KÝ
CÔNG NHẬN VÙNG AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

ỦY BAN NHÂN DÂN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

V/v đăng ký công nhận vùng an
toàn dịch bệnh động vật

Kính gửi: (Cơ quan thú y).

Thực hiện quy định tại Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật, Ủy ban nhân dân xã/huyện/tỉnh đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh.

1. Đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh

(Ghi rõ tên bệnh và tên loài động vật nuôi đăng ký công nhận an toàn).

2. Thị trường tiêu thụ

(Ghi rõ thị trường tiêu thụ: Nội địa, xuất khẩu, hỗn hợp).

3. Hồ sơ đăng ký

(Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH....
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IV

**BẢN MÔ TẢ THÔNG TIN VỀ VÙNG
ĐĂNG KÝ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12
năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**A. BẢN MÔ TẢ THÔNG TIN VỀ VÙNG ĐĂNG KÝ AN TOÀN DỊCH BỆNH
ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN**

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng.....năm..

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên vùng (tên xã/huyện/tỉnh):

Người đại diện Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

*Mô tả về các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của vùng; tình hình chăn nuôi và dịch bệnh
động vật trong vùng, hệ thống thú y.*

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH AN TOÀN SINH HỌC

Nội dung chính bao gồm:

1. Các biện pháp chủ động phòng bệnh cho động vật nuôi theo quy định hiện hành.
2. Xác định các mối nguy (*liệt kê các mối nguy theo điều kiện tự nhiên và xã hội tại vùng*), phân tích nguy cơ.
3. Các biện pháp kiểm soát, ngăn chặn nguy cơ tác nhân gây bệnh có thể xâm nhiễm từ ngoài vào hoặc lây lan bên trong vùng.
4. Kết quả thực hiện quy trình an toàn sinh học (*đánh giá kết quả theo từng quy trình và đánh giá hiệu quả việc thực hiện các quy trình*).
5. Rà soát, điều chỉnh kế hoạch trong quá trình triển khai thực hiện (*nếu có*).

*Ghi chú: Vùng cung cấp kế hoạch an toàn sinh học và các tài liệu, số liệu chứng minh việc
triển khai tại thời điểm kiểm tra thực tế tại vùng.*

III. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH GIÁM SÁT DỊCH BỆNH

Nội dung chính bao gồm:

1. Mô tả nội dung của kế hoạch giám sát dịch bệnh (*bao gồm thời gian bắt đầu giám sát, thiết kế giám sát, ...*).

2. Kết quả giám sát bị động (bao gồm thông tin về tổng đàn, tình trạng sức khỏe động vật nuôi, số lượng động vật mắc bệnh, thời gian xảy ra bệnh, số lượng mẫu xét nghiệm và kết quả xét nghiệm, ...).

3. Kết quả giám sát chủ động (bao gồm thông tin về tổng đàn, tần suất, thời gian lấy mẫu, số lượng mẫu, kết quả xét nghiệm, ...).

Ghi chú: Kết quả xét nghiệm, biên bản và báo cáo kết quả xử lý dịch bệnh trong trường hợp có kết quả dương tính với tác nhân gây bệnh – cung cấp tại thời điểm kiểm tra thực tế tại vùng.

IV. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ DỊCH BỆNH

Nội dung chính bao gồm:

1. Các biện pháp đã áp dụng và kết quả xử lý động vật mắc bệnh.
2. Các biện pháp phòng bệnh đã áp dụng và kết quả thực hiện đối với động vật tại vùng.
3. Biện pháp và kết quả kiểm soát tác nhân gây bệnh đối với con người, phương tiện, nước thải, chất thải trong chăn nuôi.
4. Kết quả điều tra truy xuất nguồn bệnh xuất hiện tại vùng.
5. Kết quả thực hiện báo cáo dịch bệnh.

Ghi chú: Kết quả xét nghiệm, biên bản và báo cáo kết quả xử lý dịch bệnh trong trường hợp có kết quả dương tính với tác nhân gây bệnh – cung cấp tại thời điểm kiểm tra thực tế tại vùng.

B. BẢN MÔ TẢ THÔNG TIN VỀ VÙNG ĐĂNG KÝ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN

ỦY BAN NHÂN DÂN....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên vùng:

Người đại diện Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

Tổng số cơ sở nuôi trong vùng:

Tổng diện tích vùng nuôi:

Các loài nuôi/sản xuất trong vùng:

Vùng nuôi tiếp giáp với các xã/huyện/tỉnh:

1. Đặc điểm tình hình

Mô tả về các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của vùng; tình hình nuôi trồng thủy sản, quan trắc môi trường nuôi trồng thủy sản và dịch bệnh động vật thủy sản trong vùng, hệ thống thú y.

2. Kế hoạch xây dựng và quản lý vùng an toàn dịch bệnh

a) Mục đích, yêu cầu

b) Nội dung kế hoạch

c) Giải pháp thực hiện kế hoạch

- Về tổ chức, chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra;

- Về nguồn lực;

- Các biện pháp phòng bệnh;

- Giám sát dịch bệnh;

- Các giải pháp kỹ thuật khác (các biện pháp xử lý khi có dịch bệnh xảy ra, vệ sinh, khử trùng tiêu độc, kiểm dịch vận chuyển giống động vật, quản lý hoạt động kinh doanh thuốc thú y, quản lý người hành nghề thú y, ...);

- Giải pháp về thông tin, tuyên truyền cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động thú y trên địa bàn; tập huấn cho người nuôi trồng thủy sản, nhân viên thú y xã, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống thú y địa phương về chuyên môn, nghiệp vụ, chủ trương, chính sách, các quy định của nhà nước, các văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.

d) Nguồn kinh phí và cơ chế tài chính

đ) Tổ chức thực hiện: Phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai kế hoạch; Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch.

3. Điều kiện thực tế vùng sản xuất thủy sản

a) Mô tả diện tích vùng nuôi (ghi chi tiết từng hạng mục); Điều kiện cơ sở hạ tầng của vùng kèm theo bản đồ địa lý vùng nuôi, bản vẽ vị trí các cơ sở nuôi trong vùng (đối với loài động vật cảm nhiễm với bệnh đăng ký công nhận an toàn); Mô tả hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý nước trong vùng; hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải trong quá trình nuôi tại vùng; Mô tả hệ thống cung ứng vật tư đầu vào cho vùng (con giống, thức ăn, thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm cải tạo, xử lý môi trường,...); Khu vực mua bán động vật thủy sản, ...

b) Mô tả, đánh giá sơ bộ về hệ thống sản xuất của các cơ sở nuôi trong vùng, bao gồm: Điều kiện cơ sở vật chất, mô hình nuôi, công nghệ nuôi; Hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải trong quá trình nuôi của cơ sở; Hệ thống khử trùng tiêu độc tại các cơ sở; biện pháp ngăn cản/xua đuổi động vật hoang dã tại cơ sở; Hệ thống cung ứng vật tư đầu vào cho cơ sở (con giống, thức ăn, thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm cải tạo, xử lý môi trường,...).

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH AN TOÀN SINH HỌC

1. Thông tin chung về kế hoạch an toàn sinh học

a) Kế hoạch an toàn sinh học của vùng

(Ghi rõ ngày, tháng, năm ban hành; mục tiêu; số lượng các quy trình an toàn sinh học)

b) Xác định các mối nguy tác nhân gây bệnh có thể xâm nhập vào vùng

(Liệt kê các mối nguy theo điều kiện tự nhiên và xã hội tại vùng)

c) Danh sách các quy trình an toàn sinh học tại vùng

(Danh sách này phải phù hợp với các mối nguy tại điểm b nêu trên)

d) Số lượng cơ sở nuôi trồng thủy sản trong vùng có xây dựng, ban hành và thực hiện kế hoạch an toàn sinh học

(Ghi rõ số lượng, tỷ lệ cơ sở có thực hiện kế hoạch an toàn sinh học)

đ) Tổ chức thực hiện kế hoạch an toàn sinh học

(Phân công nhiệm vụ, cách thức tổ chức thực hiện các quy trình chung của vùng; Ghi chép, quản lý thông tin chung tại vùng)

2. Kết quả thực hiện

Nội dung chính bao gồm kết quả triển khai các nội dung quy định tại Điều 5 Thông tư này; Cụ thể:

1. Các biện pháp chủ động phòng bệnh cho động vật nuôi theo quy định hiện hành (như sử dụng vắc xin, ...);

2. Kết quả thực hiện các quy trình an toàn sinh học kiểm soát, ngăn chặn nguy cơ tác nhân gây bệnh có thể xâm nhiễm từ ngoài vào hoặc lây lan bên trong vùng *(đánh giá kết quả theo từng quy trình và đánh giá hiệu quả việc thực hiện các quy trình)*;

3. Rà soát, điều chỉnh kế hoạch trong quá trình triển khai thực hiện *(nếu có)*.

Ghi chú: Vùng cung cấp kế hoạch an toàn sinh học và các tài liệu, số liệu chứng minh việc triển khai tại thời điểm kiểm tra thực tế tại vùng.

III. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH GIÁM SÁT DỊCH BỆNH

1. Tình hình sản xuất, nuôi trồng thủy sản

a) Tình hình sản xuất, nuôi trồng thủy sản trong thời gian giám sát

- Tổng diện tích nuôi tổng diện tích của vùng

- Tổng số lượng cơ sở: (cơ sở). Trong đó số lượng:

☐ Sản xuất giống: (cơ sở) ☐ Thương phẩm: (cơ sở)

☐ Ương dưỡng giống: (cơ sở) ☐ Khác (cơ sở)

- Tổng số lượng cơ sở nuôi trồng thủy sản: (cơ sở)

- Tổng số lượng ao/bể :

- Tổng số lượng thủy sản:

+ Thủy sản bố mẹ: (con)

+ Thủy sản thương phẩm: (con)

+ Thủy sản giống: (con)

+ Trứng: (.....)

b) Tổng số lượng thủy sản nhập vào vùng nuôi

- Thủy sản bố mẹ: Số con số lần nhập

- Thủy sản giống: Số con số lần nhập
- Trứng thủy sản: Số lượng số lần nhập

c) Tổng số lượng/khối lượng thủy sản sản xuất

- Tổng số lượng thủy sản giống sản xuất: (con hoặc kg)
- Tổng số lượng/khối lượng thủy sản xuất bán: (con hoặc kg)
- Tổng số lượng/khối lượng thủy sản bị tiêu hủy: (con hoặc kg)

2. Thông tin chung về giám sát chủ động

- Ghi rõ thời gian giám sát (ngày, tháng, năm)
- Bệnh được giám sát (ghi rõ tên từng bệnh)
- Mô tả về thiết kế giám sát dịch bệnh đối với cấp cơ sở, cấp ao của mỗi cơ sở được lựa chọn giám sát; Tần suất lấy mẫu giám sát; tổng số cơ sở được giám sát; Tổng số lần lấy mẫu; Tổng số mẫu đơn đã lấy (ghi rõ tên và số lượng từng loại mẫu, bao gồm: động vật thủy sản; Mẫu môi trường; Mẫu thức ăn tươi sống; Vật chủ trung gian tự nhiên; Mẫu khác); Mẫu xét nghiệm (ghi rõ tên và số lượng mẫu đơn, mẫu gộp), ...
- Số lượng ao/bể được lấy mẫu như sau:

Số lần lấy mẫu	Ngày tháng năm lấy mẫu	Số lượng cơ sở nuôi tại thời điểm lấy mẫu	Số lượng cơ sở được giám sát	Tổng số lượng ao của các cơ sở được giám sát	Số lượng ao/bể được chọn giám sát	Số lượng mẫu lấy xét nghiệm		
						Thủy sản	Môi trường	(Ghi rõ từng loại mẫu khác)
1								
2								
...								
Tổng cộng								

3. Kết quả giám sát dịch bệnh

a) Kết quả giám sát bị động (bao gồm thông tin về tổng đàn, tình trạng sức khỏe động vật nuôi, số lượng động vật mắc bệnh, thời gian xảy ra bệnh, số lượng mẫu xét nghiệm và kết quả xét nghiệm,...).

- Ghi rõ nội dung theo dõi sức khỏe thủy sản tại các cơ sở trong vùng (số lượng thủy sản chết; Tiêu thụ thức ăn; sử dụng thuốc hóa chất; Các chỉ tiêu môi trường nuôi; Số lượng và tỷ lệ cơ sở thiệt hại do bệnh; Số lượng và tỷ lệ ao/bể thiệt hại do bệnh; Thời gian xảy ra bệnh (ngày, tháng năm theo từng bệnh)); Loài thủy sản bị mắc bệnh, tuổi mắc bệnh; Tổng lượng thủy sản chết/thiệt hại,...

- Ghi rõ tổng số lần lấy mẫu, số lượng mẫu lấy khi thủy sản chết; Số mẫu dương tính với bệnh đăng ký xây dựng an toàn dịch bệnh,...

b) Giám sát chủ động (bao gồm thông tin về tổng đàn, tần suất, thời gian lấy mẫu, số lượng mẫu, kết quả xét nghiệm,...).

- Ghi rõ kết quả giám sát đối với từng bệnh (tổng số cơ sở giám sát, tổng số cơ sở dương tính, tỷ lệ cơ sở dương tính; Tổng số mẫu xét nghiệm, tổng số mẫu dương tính, tỷ lệ mẫu dương tính; thời gian lấy mẫu đối với mẫu cho kết quả dương tính; Tác nhân gây bệnh được phát hiện tại cơ

sở (ghi tên, địa chỉ của cơ sở)); Ghi rõ loại mẫu dương tính, tuổi thủy sản bị nhiễm tác nhân gây bệnh, ...

- Mô tả biện pháp xử lý tại cơ sở.

Bảng tổng hợp dữ liệu cơ sở dương tính với tác nhân gây bệnh

Số lần lấy mẫu	Ngày, tháng, năm	Tên bệnh	Loại mẫu dương tính	Số cơ sở dương tính (*)	Đối tượng nuôi	Tuổi thủy sản	Số mẫu dương tính	Biện pháp xử lý

* Đối với từng cơ sở dương tính, liệt kê và ghi rõ tên cơ sở, địa chỉ, đối tượng nuôi, loại mẫu dương tính, tuổi thủy sản.

Ghi chú: Kết quả xét nghiệm, biên bản và báo cáo kết quả xử lý dịch bệnh trong trường hợp có kết quả dương tính với tác nhân gây bệnh - cung cấp tại thời điểm kiểm tra thực tế tại vùng.

IV. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ DỊCH BỆNH

1. Diễn biến dịch bệnh tại vùng

Mô tả cụ thể trong thời gian triển khai xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, vùng đã xảy ra dịch bệnh gì và đã tổ chức ứng phó dịch bệnh như thế nào, cụ thể:

- Vùng xảy ra bệnh tại cơ sở, với tổng số lần xảy ra bệnh trong thời gian giám sát: (lần).

- Tổng số lần xảy ra bệnh không thuộc danh sách các bệnh đăng ký an toàn dịch bệnh: (lần).

- Tổng số ao/bể xảy ra bệnh:

- Tổng số/khối lượng thủy sản xử lý do dịch bệnh xảy ra:

- Diễn biến bệnh tại vùng cụ thể như sau:

Tên bệnh	Thời gian phát hiện bệnh (ngày, tháng, năm)	Tên thủy sản bị bệnh	Lứa tuổi	Số cơ sở xảy ra bệnh	Số ao/bể bị bệnh	Số lượng thủy sản phải xử lý (kg)	Thời gian xử lý xong bệnh (ngày, tháng, năm)

2. Kết quả ứng phó dịch bệnh

a) Đối với cơ sở bị bệnh

Mô tả các biện pháp và kết quả xử lý đối với ao/ bể bị bệnh (*xử lý thủy sản mắc bệnh; Thức ăn tươi sống nhiễm tác nhân gây bệnh (nếu có); Đối với nước ao/bể nuôi bị bệnh; Đối với công cụ dùng cho ao/bể nuôi bị bệnh; Đối với bảo hộ lao động, công cụ dụng cụ vận chuyển, xử lý ao/bể bị bệnh; Công tác vệ sinh khử trùng khu vực bị bệnh và cơ sở bị bệnh; Xử lý đối với hệ thống nước cấp, nước thoát, khu vực nước thải*).

b) Đối với cơ sở không bị bệnh (*nêu rõ từng biện pháp áp dụng đối với các cơ sở này nhằm nâng cao khả năng bảo vệ, ngăn chặn sự xâm nhập dịch bệnh từ bên ngoài vào cơ sở, các giải pháp mang tính bao quát vùng như: Kiểm soát vận chuyển thủy sản, thức ăn tươi sống, ... ra, vào vùng; Quản lý động vật hoang dã tại các cơ sở; Khử trùng tiêu độc; Quản lý người ra vào tại các cơ sở*).

3. Kết quả điều tra, truy xuất, xác định nguồn bệnh xuất hiện tại vùng (*mô tả việc điều tra, xác minh ổ dịch*).

4. Các biện pháp phòng, chống dịch bệnh áp dụng đối với vùng

5. Công tác báo cáo, phối hợp với Cơ quan thú y

Ghi chú: Kết quả xét nghiệm, biên bản và báo cáo kết quả xử lý dịch bệnh trong trường hợp có kết quả dương tính với tác nhân gây bệnh - cung cấp tại thời điểm kiểm tra thực tế tại vùng.

Phụ lục XII
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

2. Mẫu giấy chứng nhận do Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh cấp

Logo của Chi cục

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CHI CỤC CHĂN NUÔI, THỦY SẢN VÀ THÚ Y

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
CHỨNG NHẬN

Cơ sở/ vùng:

Địa chỉ:

Được chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với bệnh:

....., ngày..... tháng năm

Số: /QĐ-TY-ATDB

Giấy chứng nhận này có giá trị đến

CHI CỤC TRƯỞNG

14. Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (QT- 14)

	Mục đích		
1	Quy định cách thức, nội dung, trình tự thực hiện thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật cấp xã.		
2	Phạm vi Áp dụng đối với Ủy ban nhân dân cấp xã không thuộc phạm vi theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 3, Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có nhu cầu cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật; cán bộ, công chức thuộc Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 554/QĐ-BNN-TY ngày 13/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
*	Đối với vùng có Giấy chứng nhận hết hiệu lực theo quy định (sau 5 năm kể từ ngày cấp) hoặc vùng có Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin về vùng trên Giấy chứng nhận, thành phần hồ sơ gồm:		
	Văn bản đề nghị (theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT).	X	
*	Đối với vùng đã thực hiện các biện pháp khắc phục sai lỗi và thực hiện các biện pháp duy trì điều kiện an toàn dịch bệnh, thành phần hồ sơ gồm:		
	Văn bản đề nghị (theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm	X	

	<i>theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT).</i>				
	Báo cáo khắc phục sai lỗi		x		
*	Đối với vùng đã xử lý dịch bệnh và thực hiện giám sát dịch bệnh theo quy định, thành phần hồ sơ gồm:				
	Văn bản đề nghị <i>(theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT).</i>		x		
	Báo cáo xử lý dịch bệnh và kết quả giám sát dịch bệnh		x		
3.3	Số lượng hồ sơ				
	01 bộ hồ sơ				
3.4	Thời hạn giải quyết				
	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.				
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	- Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả TTHC Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội. - Địa chỉ: 114 đường Lê Trọng Tấn, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. - Cách thức tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính hoặc Qua Cổng dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.hanoi.gov.vn.				
3.6	Mức thu phí				
	Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng/lần <i>(Theo khoản 1 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)</i>				
3.7	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả	
B1	Nộp hồ sơ: - Trường hợp đăng ký cấp lại do Giấy chứng nhận hết hiệu lực: Nộp hồ sơ trong khoảng thời gian 03 tháng trước khi hết hiệu lực của Giấy	Ủy ban nhân dân cấp xã	- Giờ hành chính <i>(Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính)</i>	Theo mục 3.2	

	chứng nhận. - Trường hợp nộp trực tuyến: Ủy ban nhân dân cấp xã nộp bổ sung hồ sơ bản chính khi đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính.		<i>công ích).</i> - Trong và ngoài giờ hành chính <i>(Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến)</i>	
B2	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày trả kết quả. - Chuyển hồ sơ về Trưởng Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính <i>(Tiếp nhận và chuyển hồ sơ trong ngày làm việc hoặc sáng ngày làm việc tiếp theo trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ)</i>	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
B3	Chuyển hồ sơ tới phòng chuyên môn.	Trưởng Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	1/2 ngày làm việc	- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
B4	Phân công xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	1/2 ngày làm việc	- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
B5	Thẩm định hồ sơ: Căn cứ kết quả đánh giá định kỳ hàng năm hoặc báo cáo khắc phục sai lỗi (đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 32 Thông tư số	Chuyên viên; Lãnh đạo phòng chuyên môn; Lãnh đạo Chi cục	1,5 ngày làm việc <i>(Trong đó: Chuyên viên 1/2 ngày; Lãnh đạo phòng chuyên môn: 1/2 ngày;</i>	

	24/2022/TT-BNNPTNT) hoặc báo cáo kết quả xử lý dịch bệnh và giám sát dịch bệnh (đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT).		<i>Lãnh đạo Chi cục 1/2 ngày)</i>	
B6	Cấp lại giấy chứng nhận			
	Trường hợp thẩm định hồ sơ đủ điều kiện.	Chuyên viên; Lãnh đạo phòng chuyên môn; Lãnh đạo Chi cục	1,5 ngày làm việc <i>(Trong đó: Chuyên viên 1/2 ngày; Lãnh đạo phòng 1/2 ngày; Lãnh đạo Chi cục 1/2 ngày)</i>	- Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
	Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện.	Chuyên viên; Lãnh đạo phòng chuyên môn; Lãnh đạo Chi cục	1,5 ngày làm việc <i>(Trong đó: Chuyên viên 1/2 ngày; Lãnh đạo phòng 1/2 ngày; Lãnh đạo Chi cục 1/2 ngày)</i>	- Văn bản trả lời từ chối cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
B7	Hoàn thiện hồ sơ; bàn giao kết quả giải quyết TTHC về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC.	Chuyên viên	01 ngày làm việc	- Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật; - Hoặc văn bản thông báo

				từ chối cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
B7	- Thu phí/ lệ phí (Trực tiếp hoặc chuyển khoản theo lựa chọn của tổ chức, công dân); - Trả kết quả giải quyết TTHC	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính	- Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật; - Hoặc văn bản thông báo từ chối cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật; - Sổ theo dõi kết quả giải quyết TTHC.
B8	Thống kê và theo dõi; Lưu hồ sơ	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC; - Phòng chuyên môn	Giờ hành chính	HS giải quyết TTHC, kèm theo: <i>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có); Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (trường hợp từ</i>

				<i>chối tiếp nhận HS); Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (trường hợp giải quyết hồ sơ chậm muộn); Sổ theo dõi hồ sơ.</i>
4	Biểu mẫu			
	1. Văn bản đề nghị theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;			
	2. Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại mục 2, Phụ lục XII, Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;			
	3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu số 01-06).			

Phụ lục II
MẪU VĂN BẢN ĐĂNG KÝ
CÔNG NHẬN VÙNG AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

ỦY BAN NHÂN DÂN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

V/v đăng ký công nhận vùng
an toàn dịch bệnh động vật

Kính gửi: (Cơ quan thú y).

Thực hiện quy định tại Thông tư số 24 /2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật, Ủy ban nhân dân xã/huyện/tỉnh đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh.

1. Đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh

(Ghi rõ tên bệnh và tên loài động vật nuôi đăng ký công nhận an toàn).

2. Thị trường tiêu thụ

(Ghi rõ thị trường tiêu thụ: Nội địa, xuất khẩu, hỗn hợp).

3. Hồ sơ đăng ký

(Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH....
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XII
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

2. Mẫu giấy chứng nhận do Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh cấp

Logo của Chi cục

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CHI CỤC CHĂN NUÔI, THỦY SẢN VÀ THÚ Y

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
CHỨNG NHẬN

Cơ sở/ vùng:

Địa chỉ:

Được chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với bệnh:

....., ngày..... tháng năm

Số: /QĐ-TY-ATDB

Giấy chứng nhận này có giá trị đến

CHI CỤC TRƯỞNG

15. Quy trình Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (QT-15)

1	Mục đích Quy định cách thức, nội dung, trình tự thực hiện thủ tục Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.		
2	Phạm vi Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân không thuộc phạm vi điểm a, khoản 1, Điều 3, Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; Cán bộ, công chức thuộc Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý - Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 554/QĐ-BNN-TY ngày 13/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đơn đăng ký <i>(Theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT)</i> ;	x	
	- Bản mô tả thông tin về cơ sở đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh động vật <i>(Theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT)</i> ;	x	
	- Báo cáo khắc phục sai lỗi <i>(Đối với trường hợp cơ sở phải thực hiện khắc phục nếu kiểm tra thực tế tại cơ sở không đạt yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT)</i> .	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		

	01 bộ hồ sơ			
3.4	Thời hạn giải quyết			
	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; Không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 20 ngày. - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; Không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 20 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; Phải thực hiện khắc phục theo quy định: 25 ngày không kể thời gian cơ sở thực hiện khắc phục. - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; Phải thực hiện khắc phục theo quy định: 25 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả TTHC Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội. - Địa chỉ: 114 đường Lê Trọng Tấn, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. - Cách thức tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính hoặc Qua Cổng dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.hanoi.gov.vn.			
3.6	Mức thu phí			
	- Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng/lần (<i>theo khoản 2 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</i>); - Chi phí xét nghiệm mẫu (<i>nếu có</i>): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Nộp hồ sơ: Trường hợp nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân nộp bổ sung hồ sơ bản chính khi đến nhận kết quả giải quyết thủ tục	Tổ chức/ cá nhân	- Giờ hành chính (<i>Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích</i>). - Trong và ngoài	Theo mục 3.2

	hành chính.		giờ hành chính (<i>Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến</i>).	
B2	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày trả kết quả. - Chuyển hồ sơ về Trưởng Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính (<i>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ trong ngày làm việc hoặc sáng ngày làm việc tiếp theo trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ</i>).	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
B3	Chuyển hồ sơ tới phòng chuyên môn.	Trưởng Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	1/2 ngày	- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
B4	Phân công xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	1/2 ngày	- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
B5	Kiểm tra, thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: thông báo cho chủ cơ sở về kế hoạch đánh giá thực tế tại cơ sở. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Thông	Chuyên viên; Lãnh đạo phòng chuyên môn; Lãnh đạo Chi cục.	04 ngày (<i>Trong đó: Chuyên viên 02 ngày; Lãnh đạo phòng chuyên môn 01 ngày; Lãnh đạo Chi cục 01 ngày</i>).	- Thông báo kế hoạch đánh giá thực tế tại cơ sở. - Văn bản Thông báo (nếu có).

	báo bằng văn bản cho chủ cơ sở để hoàn thiện.			
B6	- Đánh giá trực tiếp tại cơ sở; - Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh lây lan sang người hoặc dịch bệnh động vật nguy hiểm phải công bố dịch theo quy định của pháp luật về thú y, thực hiện đánh giá như sau: + Áp dụng hình thức đánh giá trực tuyến đối với cơ sở đáp ứng yêu cầu về nguồn lực, phương tiện kỹ thuật thực hiện (máy tính, đường truyền internet, ứng dụng phần mềm, máy ghi âm, ghi hình); + Chủ cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, dữ liệu, tài liệu, hình ảnh, hồ sơ cung cấp cho Đoàn đánh giá; + Trường hợp cần thiết, Cơ quan thú y tổ chức đánh giá trực tiếp tại cơ sở sau khi thiên tai, dịch bệnh đã được kiểm soát theo quy định của pháp luật.	Thành lập Đoàn đánh giá; Đoàn đánh giá tại cơ sở	10 ngày	Biên bản kiểm tra, đánh giá tại cơ sở
B7	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh			

	- Trường hợp cơ sở không phải khắc phục sai lỗi	Chuyên viên; Lãnh đạo phòng chuyên môn; Lãnh đạo Chi cục.	04 ngày (<i>Chuyên viên 2 ngày; Lãnh đạo phòng 01 ngày; Lãnh đạo Chi cục 01 ngày</i>)	- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật. - Văn bản trả lời trong trường hợp cơ sở có kết quả đánh giá không đạt yêu cầu.
	- Trường hợp cơ sở phải khắc phục sai lỗi	Cơ sở chăn nuôi; Chuyên viên; Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Chi cục	09 ngày (<i>Cơ sở khắc phục và nộp báo cáo trong 05 ngày; Chuyên viên 02 ngày; Lãnh đạo phòng 01 ngày; Lãnh đạo Chi cục 01 ngày</i>)	- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Văn bản trả lời trong trường hợp cơ sở có hồ sơ không hợp lệ.
B8	Hoàn thiện hồ sơ; bàn giao kết quả giải quyết TTHC về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC.	Chuyên viên	01 ngày	- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật. - Hoặc văn bản thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ

				sơ.
B9	- Thu phí/ lệ phí (Trực tiếp hoặc chuyển khoản theo lựa chọn của tổ chức, công dân). - Trả kết quả giải quyết TTHC	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính	- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật. - Hoặc văn bản thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật. - Sổ theo dõi kết quả giải quyết TTHC.
B10	Thống kê và theo dõi; Lưu hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC; Phòng chuyên môn	Giờ hành chính	HS giải quyết TTHC, kèm theo: <i>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có); Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (trường hợp từ chối tiếp nhận HS); Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (trường hợp giải quyết hồ sơ chậm</i>

				<i>muộn); Số theo dõi hồ sơ.</i>
4	Biểu mẫu			
	1. Đơn đăng ký theo mẫu tại Phụ lục I, Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;			
	2. Bản mô tả thông tin về cơ sở đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại Phụ lục III, Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;			
	3. Giấy chứng nhận theo mẫu tại mục 2, Phụ lục XII, Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;			
	4. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu số 01-06).			

Phụ lục I

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ
CÔNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ
CÔNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
☐ **TRÊN CẠN** ☐ **THỦY SẢN**

Kính gửi: (Cơ quan thú y)

1. Tên cơ sở :

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:.....

Cơ sở thuộc trường hợp:

☐ Mới xây dựng, lần đầu có hoạt động

☐ Cơ sở đã hoạt động.....năm, từ năm:

2. Tên chủ cơ sở:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại: Fax: Email:.....

3. Đăng ký cấp Giấy chứng nhận:

☐ Cấp ☐ Cấp lại, lý do xin cấp lại:

4. Đối tượng nuôi:

5. Loại hình hoạt động:

☐ Sản xuất giống ☐ Nuôi thương phẩm ☐ Làm cảnh

☐ Khác (ghi rõ):

6. Thị trường tiêu thụ: ☐ Nội địa ☐ Xuất khẩu ☐ Hỗn hợp

7. Cơ sở đăng ký công nhận an toàn đối với bệnh:

.....

8. Hồ sơ đăng ký gồm (Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định):.....

Tôi xin cam đoan các thông tin trên đây là hoàn toàn chính xác.

Đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh./.

Người làm đơn

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Phụ lục III
BẢN MÔ TẢ THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ
ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

A. BẢN MÔ TẢ THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin về cơ sở

Tên cơ sở:
 Người đại diện chức vụ:
 Địa chỉ:
 Địa chỉ cơ sở:
 Điện thoại: Email:
 Vị trí địa lý: Kinh độ Vĩ độ:
 Phân loại cơ sở:

☐ Sản xuất giống ☐ Thương phẩm ☐ Làm cảnh
☐ Khác

- Tổng diện tích đất tự nhiên.
 - Vùng tiếp giáp xung quanh.

2. Cơ sở vật chất (Gửi kèm sơ đồ bố trí mặt bằng của cơ sở)

- Hàng rào (tường) ngăn cách: ☐ Có ☐ Không
 - Khu hành chính gồm: Phòng thường trực: ☐ Có ☐ Không
 Phòng giao dịch: ☐ Có ☐ Không
 - Khu chăn nuôi: (sơ đồ bố trí mặt bằng khu chăn nuôi)
 - Khu nhà kho: Có kho thức ăn riêng biệt với diện tích
 Có kho chứa dụng cụ, phương tiện chăn nuôi với diện tích.....
 - Khu xử lý chất thải: Bể hoặc nơi tập trung chất thải: ☐ Có ☐ Không
 (Nếu có, mô tả hệ thống xử lý chất thải).
 - Khu cách ly: Động vật mới nhập: ☐ Có ☐ Không
 Động vật bệnh: ☐ Có ☐ Không
 - Khu vực xử lý động vật: ☐ Có ☐ Không
 - Bảo hộ lao động cá nhân (quần, áo, ủng, mũ,...) dùng trong khu chăn nuôi:
☐ Có ☐ Không
 - Phòng thay quần áo: ☐ Có ☐ Không
 - Phòng tắm sát trùng trước khi vào khu chăn nuôi: ☐ Có ☐ Không
 - Hồ sát trùng ở cổng trước khu chăn nuôi: ☐ Có ☐ Không

3. Quy mô, cơ cấu đàn, sản phẩm, sản lượng

Ghi rõ quy mô, cơ cấu, sản phẩm, sản lượng hàng năm.....

4. Nguồn nhân lực

Ghi rõ số lượng, trình độ chuyên môn của người quản lý kỹ thuật/phụ trách thú y của cơ sở;
 các khóa đào tạo, tập huấn đã tham gia và được cấp chứng nhận,...

5. Hệ thống quản lý chăn nuôi

Mô tả việc thực hiện các quy định của pháp luật về chăn nuôi.

6. Tình hình dịch bệnh tại cơ sở

- Tình hình dịch bệnh động vật tại cơ sở trong 12 tháng qua.
- Công tác tiêm phòng hàng năm, đại trà, bổ sung, số lượng, tỷ lệ tiêm mỗi loại bệnh.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH AN TOÀN SINH HỌC

Nội dung chính bao gồm:

1. Các biện pháp chủ động phòng bệnh cho động vật nuôi theo quy định hiện hành.
2. Xác định các mối nguy (*liệt kê các mối nguy theo điều kiện tự nhiên và xã hội tại cơ sở*), phân tích nguy cơ.
3. Các biện pháp kiểm soát, ngăn chặn nguy cơ tác nhân gây bệnh có thể xâm nhiễm từ ngoài vào hoặc lây lan bên trong cơ sở (*mô tả các quy trình an toàn sinh học tại cơ sở tương ứng với các mối nguy tại điểm 2 nêu trên*).
4. Kết quả thực hiện quy trình an toàn sinh học (*đánh giá kết quả theo từng quy trình và đánh giá hiệu quả việc thực hiện các quy trình*).
5. Rà soát, điều chỉnh kế hoạch trong quá trình triển khai thực hiện (*nếu có*).

Ghi chú: Cơ sở cung cấp kế hoạch an toàn sinh học và các tài liệu, số liệu chứng minh việc triển khai tại thời điểm kiểm tra thực tế tại cơ sở.

III. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH GIÁM SÁT DỊCH BỆNH

Nội dung chính bao gồm:

1. Mô tả nội dung của kế hoạch giám sát dịch bệnh (*bao gồm thời gian bắt đầu giám sát, thiết kế giám sát, ...*).
2. Kết quả giám sát bị động (*bao gồm thông tin về tổng đàn, tình trạng sức khỏe động vật nuôi, số lượng động vật mắc bệnh, thời gian xảy ra bệnh, số lượng mẫu xét nghiệm và kết quả xét nghiệm, ...*).
3. Kết quả giám sát chủ động (*bao gồm thông tin về tổng đàn, tần suất, thời gian lấy mẫu, số lượng mẫu, kết quả xét nghiệm, ...*).

Ghi chú: Kết quả xét nghiệm, biên bản và báo cáo kết quả xử lý dịch bệnh trong trường hợp có kết quả dương tính với tác nhân gây bệnh - cung cấp tại thời điểm kiểm tra thực tế tại cơ sở.

IV. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ DỊCH BỆNH

Nội dung chính bao gồm:

1. Các biện pháp đã áp dụng và kết quả xử lý động vật mắc bệnh.
2. Các biện pháp phòng bệnh đã áp dụng và kết quả thực hiện đối với động vật tại cơ sở.
3. Biện pháp và kết quả xử lý đối khu vực chăn nuôi (vệ sinh, tiêu độc, khử trùng, ...).
4. Biện pháp và kết quả kiểm soát tác nhân gây bệnh đối với con người, phương tiện, nước thải, chất thải trong chăn nuôi.
5. Kết quả điều tra truy xuất nguồn bệnh xuất hiện tại cơ sở.
6. Kết quả thực hiện báo cáo dịch bệnh.

Ghi chú: Kết quả xét nghiệm, biên bản và báo cáo kết quả xử lý dịch bệnh trong trường hợp có kết quả dương tính với tác nhân gây bệnh - cung cấp tại thời điểm kiểm tra thực tế tại cơ sở.

B. BẢN MÔ TẢ THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin về cơ sở

Tên cơ sở:

Người đại diện Chức vụ:

Địa chỉ:

Địa chỉ cơ sở nuôi:

Điện thoại: Email:

Vị trí địa lý: Kinh độ Vĩ độ:

Phân loại cơ sở :

☐ Sản xuất giống ☐ Thương phẩm ☐ Làm cảnh

☐ Khác

- Đã đăng ký và được cấp mã cơ sở nuôi: ☐ Có ☐ Không

- Cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản:.....

- Hình thức nuôi: ☐ Nuôi kín ☐ Nuôi hở

- Phương thức nuôi:

- Các khu vực xung quanh.....

- Hệ thống tường rào bao quanh cơ sở: ☐ Có ☐ Không; Ngăn cách với cơ sở xung quanh

bằng

- Nguồn nước: ☐ Ngọt ☐ Mặn

- Vị trí giao thông:.....

- Hệ thống điện:

2. Điều kiện cơ sở (tùy thuộc cơ sở sản xuất giống hay nuôi thương phẩm để mô tả theo thực tế)

a) Diện tích cơ sở (ghi chi tiết từng hạng mục):

b) Điều kiện cơ sở hạ tầng.....

- Sơ đồ bố trí mặt bằng (bản vẽ kèm theo)

- Cơ sở có sự tách biệt cố định ngăn cách hoàn toàn với khu vực bên ngoài cơ sở:

☐ Không ☐ Có, bằng (ghi rõ: tường/rào chắn, hệ thống bờ, sông ngòi,):

- Khu vực xung quanh cơ sở:

☐ Khu dân cư ☐ Khu nuôi loài thủy sản cảm nhiễm

☐ Khu vực nuôi loài thủy sản khác

- Cơ sở chủ động hoàn toàn nguồn nước cung cấp cho hoạt động sản xuất/nuôi trồng thủy

sản? ☐ Không ☐ Có

- Hệ thống cấp thoát nước:

Có ☐ ☐ Không

+ Hệ thống cấp nước, thoát nước tách biệt

Có ☐ ☐ Không

+ Khu vực xử lý nước

Có ☐ ☐ Không

- Hệ thống xử lý nước trước khi nuôi:

Có ☐ ☐ Không

- Mô tả công nghệ xử lý nước đang áp dụng (ví dụ: Lọc, siêu âm, điện hóa, hóa chất, vi sinh,...)

- Hệ thống xử lý nước thải sau khi nuôi:

Có ☐ ☐ Không

- Hệ thống chỉ dẫn cho người và phương tiện:

Có ☐ ☐ Không

- Hệ thống thu gom, xử lý rác, chất thải:

Có ☐ ☐ Không

- Khu vực kho thức ăn, vật tư hóa chất:

Có ☐ ☐ Không

- Hệ thống khử trùng tiêu độc:

Có ☐ ☐ Không

- Khu vực văn phòng tách biệt khu vực sản xuất: Có ☐ Không ☐
- Hệ thống ngăn chặn/xua đuổi động vật hoang dã: Có ☐ Không ☐
- c) Danh mục trang thiết bị phục vụ sản xuất (*liệt kê danh sách tên, số lượng và chức năng*).

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH AN TOÀN SINH HỌC

Nội dung chính bao gồm:

1. Các biện pháp chủ động phòng bệnh cho động vật nuôi theo quy định hiện hành.
 2. Xác định các mối nguy (*liệt kê các mối nguy theo điều kiện tự nhiên và xã hội tại cơ sở*), phân tích nguy cơ.
 3. Các biện pháp kiểm soát, ngăn chặn nguy cơ tác nhân gây bệnh có thể xâm nhiễm từ ngoài vào hoặc lây lan bên trong cơ sở (*mô tả các quy trình an toàn sinh học tại cơ sở tương ứng với các mối nguy tại điểm 2 nêu trên*).
 4. Kết quả thực hiện quy trình an toàn sinh học (*đánh giá kết quả theo từng quy trình và đánh giá hiệu quả việc thực hiện các quy trình*).
 5. Rà soát, điều chỉnh kế hoạch trong quá trình triển khai thực hiện (*nếu có*).
- Ghi chú: Kế hoạch an toàn sinh học và các tài liệu, số liệu chứng minh việc triển khai được cung cấp tại thời điểm kiểm tra thực tế tại cơ sở.*

III. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH GIÁM SÁT DỊCH BỆNH

1. Tình hình sản xuất, nuôi trồng thủy sản

a) Tình hình nuôi trồng thủy sản trong thời gian giám sát

- Tổng diện tích nuôi tổng diện tích của cơ sở
- Tổng số lượng trại/nhà/khu nuôi:
- Tổng số lượng ao/bể
- Tổng số lượng thủy sản:
- + Thủy sản bố mẹ: (con)
- + Thủy sản thương phẩm: (con)
- + Thủy sản giống: (con)
- + Trứng:
- + Loại khác (ghi rõ):

b) Tổng số lượng thủy sản nhập cơ sở:

- Thủy sản bố mẹ: Số con số lần nhập
- Thủy sản giống: Số con số lần nhập
- Thủy sản thương phẩm: Số con số lần nhập
- Trứng thủy sản: Số lượng số lần nhập
- Loài khác (ghi rõ): Số lượng số lần nhập

c) Tổng số lượng/khối lượng thủy sản sản xuất:

- Tổng số lượng thủy sản giống sản xuất: (con hoặc kg).
- Tổng số lượng/khối lượng thủy sản xuất bán: (con hoặc kg).
- Tổng số lượng/khối lượng thủy sản tiêu hủy: (con hoặc kg).

2. Thông tin chung về kết quả giám sát chủ động

Thời gian giám sát từ: Từ ngày tháng năm ... đến ngày tháng năm ...

Bệnh được giám sát:

Tỷ lệ lưu hành theo thiết kế chứng minh an toàn dịch bệnh: (%)

Tần suất lấy mẫu:

Tổng số lần lấy mẫu:

Tổng số mẫu đơn đã lấy:

Trong đó: Mẫu thủy sản: (mẫu)
 Mẫu môi trường: (mẫu)
 Mẫu thức ăn tươi sống:(mẫu)
 Vật chủ trung gian tự nhiên:(mẫu)
 Mẫu khác (nêu chi tiết tên loại mẫu và số lượng), ...

Số lượng ao/bể được lấy mẫu trong mỗi lần như sau:

Lần lấy mẫu	Ngày tháng năm lấy mẫu	Số lượng ao/bể nuôi tại thời điểm lấy mẫu	Số lượng ao/bể được chọn giám sát	Số lượng mẫu lấy xét nghiệm		
				Thủy sản	Môi trường	
Tổng cộng						

Mẫu xét nghiệm là: ☐ Mẫu đơn, đối với các loại mẫu:

☐ Mẫu gộp, áp dụng đối với các loại mẫu:

3. Kết quả giám sát

Có xảy ra dịch bệnh không? ☐ Không ☐ Có, cụ thể như sau:

- Tổng số ao/bể xảy ra bệnh trong đó số ao/ bể xảy ra bệnh:
 (ao/bể), tỷ lệ (%) đối với bệnh:

- Kết quả xét nghiệm: ☐ Không ☐ Có

- Tổng lượng thủy sản chết/thiệt hại:

Kết quả giám sát chủ động dịch bệnh (ghi rõ đối với từng bệnh):

- Tổng số mẫu dương tính: trên tổng số mẫu xét nghiệm(mẫu), tỷ lệ
 dương tính là%.

- Mẫu phát hiện dương tính với bệnh được lấy vào thời gian (ngày, tháng, năm)

- Loại mẫu dương tính:, tuổi thủy sản bị nhiễm tác nhân gây bệnh (nếu có) tại
 ao/bể số trại số

- Biện pháp xử lý: ☐ Điều trị ☐ Thu hoạch ☐ Tiêu hủy

Bảng tổng hợp kết quả giám sát chủ động dịch bệnh

Số lần lấy mẫu	Ngày tháng năm	Tên bệnh	Loại mẫu dương tính	Đối tượng nuôi	Tuổi thủy sản	Mã ao/trại dương tính	Số mẫu dương tính	Biện pháp xử lý
Tổng								

Ghi chú: Kết quả giám sát của từng lần lấy mẫu, Bản thống kê số ao hoặc số lượng thủy sản được nuôi trước khi lấy mẫu xét nghiệm, Biên bản lấy mẫu, giao nhận mẫu, phiếu trả lời kết quả xét nghiệm - cung cấp tại thời điểm kiểm tra thực tế tại cơ sở.

IV. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ DỊCH BỆNH

Nội dung chính bao gồm:

1. Các biện pháp đã áp dụng và kết quả xử lý động vật mắc bệnh.
2. Các biện pháp phòng bệnh đã áp dụng và kết quả thực hiện đối với động vật tại cơ sở.
3. Biện pháp và kết quả xử lý đối khu vực nuôi trồng thủy sản (vệ sinh, tiêu độc, khử trùng,...).
4. Biện pháp và kết quả kiểm soát tác nhân gây bệnh đối với con người, phương tiện, nước thải, chất thải trong chăn nuôi.
5. Kết quả điều tra truy xuất nguồn bệnh xuất hiện tại cơ sở.
6. Kết quả thực hiện báo cáo dịch bệnh.

Ghi chú: Biên bản và báo cáo kết quả xử lý dịch bệnh trong trường hợp có động vật dương tính với tác nhân gây bệnh - cung cấp tại thời điểm kiểm tra thực tế tại cơ sở.

Phụ lục XII
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

2. Mẫu giấy chứng nhận do Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh cấp

Logo của Chi cục

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CHI CỤC CHĂN NUÔI, THỦY SẢN VÀ THÚ Y

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
CHỨNG NHẬN

Cơ sở/ vùng:

Địa chỉ:

Được chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với bệnh:

Số: /QĐ-TY-ATDB

Giấy chứng nhận này có giá trị đến

....., ngày..... tháng năm

CHI CỤC TRƯỞNG

(Xem tiếp Công báo số 190+191)

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI XUẤT BẢN

Địa chỉ: 12 Lê Lai - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 024.38253536 - 024.37739442

Fax: 024.37739443

Email: congbao@hanoi.gov.vn

Website: www.hanoi.gov.vn